

**KẾ HOẠCH**  
**thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh**  
**lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

-----

- Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 03/10/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Căn cứ Chương trình số 02- CTr/TU, ngày 29/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Đô Lương nhiệm kỳ 2025 – 2030.
- Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đô Lương nhiệm kỳ 2025- 2030.
- Căn cứ điều kiện, đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã. Ban Thường vụ Đảng ủy xã ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

**1. Mục đích**

- Nhằm tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá của Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Đô Lương.
- Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết, tiếp tục khẳng định và nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng ủy đối với hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển, tinh thần tự lực, tự cường và ý chí vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo chuyển biến rõ nét, toàn diện và bền vững trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.
- Phấn đấu đến năm 2030, xã Đô Lương đạt trình độ phát triển cao hơn, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đồng bộ, diện mạo đô thị ngày càng rõ nét; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao; hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đủ điều kiện theo quy định để trở thành phường khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

**2. Yêu cầu**

- Quán triệt sâu sắc nội dung, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; bảo đảm sự thống nhất cao về nhận thức, quyết tâm chính trị và hành động trong toàn Đảng bộ.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, đề án thiết thực, khả thi; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể gắn với kết quả đầu ra.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kiên trì, quyết liệt; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Lấy kết quả thực hiện Kế hoạch làm căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và trách nhiệm của người đứng đầu.

## **II. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030**

### **1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

- Thành lập 01 tổ chức đảng theo Đề án số 5155-ĐA/TU của Tỉnh ủy.

- Hằng năm kết nạp đảng viên mới đạt 3% tổng số đảng viên năm trước.

- Có trên 95% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- 100% tổ chức cơ sở đảng, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đảng bộ xã hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Phân đấu 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết trên môi trường điện tử đạt từ 85% trở lên. 100% văn bản được thực hiện toàn trình trên môi trường mạng, có sử dụng chữ ký số. 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số dùng chung của tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, số hóa và giải quyết thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. 100% sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã được giới thiệu, quảng bá trên môi trường số thông qua các nền tảng phù hợp.

- Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ thiết yếu chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt đạt từ 50% trở lên; Tỷ lệ chi trả tiền lương hưu, trợ cấp xã hội và các khoản hỗ trợ an sinh xã hội trên địa bàn được thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng hoặc các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt từ 50% trở lên; 100% trường học trên địa bàn triển khai hình thức thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

### **2. Phát triển kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 12,2%/năm.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 chuyển dịch theo hướng tích cực:

- Nông - lâm - thủy sản chiếm 8,73%;

- Công nghiệp - xây dựng chiếm 43,58%;

- Dịch vụ chiếm 47,69%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 190 - 200 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 161 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 10%/năm.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 17.420 tấn.

### **3. Văn hóa - xã hội**

- Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 1,1%/năm.

- 100% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; 73% trường đạt chuẩn mức độ 2.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 0,2 - 0,5%/năm.

- Tỷ lệ gia đình thể thao đạt 60%; tỷ lệ xóm, tổ dân cư văn hóa đạt 80%.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,5%; tỷ lệ người trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 35%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%.

- Phân đấu nâng cao chỉ số chuyển đổi số của xã, từng bước đưa xã vào nhóm dẫn đầu cấp tỉnh.

### **4. Tài nguyên và môi trường**

- 100% rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định.

- 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 73,77% dân cư được sử dụng nước sạch đạt chuẩn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 13,29%.

- Từng bước ứng dụng và khai thác hiệu quả dữ liệu số trong quản lý dân cư, đất đai, tài chính - ngân sách, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định.

### **5. Quốc phòng – an ninh**

- 90% khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

- 100% cơ sở đạt vững mạnh toàn diện về quốc phòng - an ninh.

### **6. Chuyển đổi mô hình hành chính**

Phấn đấu đến năm 2030, xã Đô Lương đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định để trở thành phường, khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

## **III. Các khâu đột phá**

1. Tập trung các chủ trương, biện pháp xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm đào tạo nguồn nhân lực quản lý, quản trị, chuyên môn và nhân lực có tay nghề chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sản xuất trong giai đoạn cách mạng mới.

2. Đột phá mạnh mẽ trong cải cách hành chính, trọng tâm là đầu tư hạ tầng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu cho cuộc cách mạng chuyển đổi số; ứng dụng có hiệu quả vào công tác quản lý điều hành và phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Phát huy vai trò trung tâm kết nối vùng phía Tây của tỉnh Nghệ An, tạo mọi thuận lợi để các doanh nghiệp có tiềm năng vào đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thương mại; hình thành trung tâm đào tạo nghề, khám chữa bệnh chất lượng cao.

#### **IV. Các công trình trọng điểm**

Tập trung đầu tư, nâng cấp và thu hút đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm có tính liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội và đô thị, làm nền tảng để xã Đô Lương đủ điều kiện trở thành phường, gồm:

(1) Lập Quy hoạch chung xã Đô Lương và các quy hoạch phân khu theo định hướng phát triển đô thị.

(2) Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông trục chính, các tuyến đường kết nối liên vùng và nội vùng.

(3) Xây dựng các cầu bắc qua sông Lam, tăng cường kết nối giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

(4) Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa Đô Lương; phát triển hệ thống y tế trên địa bàn; thực hiện tốt chủ trương sắp xếp, kiện toàn hệ thống trạm y tế cấp xã.

(5) Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ, trung tâm thương mại – dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại.

(6) Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các trường học các cấp bảo đảm đạt chuẩn quốc gia.

(7) Mở rộng, nâng cấp nhà máy nước, hệ thống cấp nước sạch và thoát nước, bảo đảm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân.

#### **2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình, Kế hoạch thực hiện trên các lĩnh vực.**

- Đề án số 02-ĐA/ĐU: nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã Đô Lương giai đoạn 2025-2030; Đề án số 03-ĐA/ĐU: đổi mới nội dung phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội, các chi đoàn, chi hội xã Đô Lương, giai đoạn 2025-2030.

- Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, CCHC, Đề án 06 và kế hoạch 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của BCĐ Trung ương trên địa bàn xã Đô Lương; Kế hoạch thực hiện chỉ thị 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 23/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030

#### **V. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.**

##### **1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và điều hành**

Tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết; bảo đảm nguyên tắc phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả. Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phù hợp và đúng với quy định cấp trên; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng phối hợp trong toàn hệ thống chính trị. Chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

##### **2. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đồng thời gắn kết xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, gắn với thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; giữ vững nguyên tắc, kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trên nền tảng số, gắn với thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Trọng tâm là giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ theo Nghị quyết 03-NQ/TW của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2026–2030; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Thực hiện nghiêm việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh công tác dân vận của hệ thống chính trị; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

### **3. Phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững**

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung tái cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; hình thành các vùng sản xuất tập trung, các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, đồng thời phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã và kinh tế tư nhân tham gia vào nông nghiệp, nông thôn, gắn với thị trường tiêu thụ, thực hiện theo Nghị quyết 68-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân, cùng với Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới; triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao và OCOP theo hướng bền vững, gắn với chuỗi giá trị và thị trường tiêu thụ.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm; khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí, tài nguyên, nguồn lao động. Bám sát các tiêu chí xây dựng phường, rà soát các tiêu chí đô thị loại IV, đô thị văn minh, nông thôn mới làm cơ sở đầu tư hoàn thiện các tiêu chí, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng xã Đô Lương đạt tiêu chuẩn thành lập phường.

+ Xác định các ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo quỹ đất thu hút doanh nghiệp đầu tư các dự án may mặc, da giày, điện tử và các ngành phụ trợ, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Đẩy nhanh đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; hình thành các dự án liên kết vùng, chuỗi sản xuất. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ.

+ Phát triển dịch vụ – thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; đầu tư, nâng cấp hệ thống điện, nước sạch và các công trình hạ tầng thiết yếu. Thu hút đầu tư các dự án y tế, chế biến, môi trường và phúc lợi xã hội phục vụ Nhân dân. Đẩy nhanh hoàn thiện Khu dịch vụ thương mại kết hợp chợ truyền thống Đô Lương; đầu tư, nâng cấp các chợ trên địa bàn. Khuyến khích phát triển dịch vụ lưu trú, ẩm thực, du lịch, vận tải, tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, y tế; phát huy hiệu quả hoạt động bến xe Đô Lương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề, đột phá trong đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng hiện đại, gắn với Nghị quyết 71 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Đồng thời tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, phát triển hệ thống y tế cơ sở, ứng dụng công nghệ số trong khám, chữa bệnh, thực hiện Nghị quyết 72 NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm công bằng, hiệu lực và đồng bộ liên ngành. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiên bộ, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân; đồng thời ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại và dịch vụ, nhằm triển khai các chương trình giáo dục, y tế và an sinh xã hội một cách bền vững, hiệu quả và hiện đại.

#### **4. Phát triển kết cấu hạ tầng và đẩy mạnh chuyển đổi số**

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông, điện, nước, hạ tầng viễn thông và hạ tầng số; hoàn thiện cơ sở vật chất trường học, trạm y tế, các thiết chế văn hóa - thể thao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành, cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công; từng bước hình thành chính quyền số ở cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

#### **5. Củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội**

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tăng cường công tác nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý hiệu quả các tình huống phức tạp phát sinh; kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

### **IV. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy**

- Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch này trên địa bàn xã.

- Định kỳ nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo; kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu; xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ.

- Văn phòng Đảng ủy theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; tham mưu báo cáo định kỳ, đột xuất.

- Ban Xây dựng Đảng tham mưu công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch.

## **2. Ủy ban nhân dân xã**

- Chủ trì tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội; xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm và theo giai đoạn.

- Chủ động bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn.

## **3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh.

## **4. Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc**

- Căn cứ Kế hoạch này xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể của đơn vị; tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Đảng ủy xã (qua Văn phòng Đảng ủy).

Văn phòng Đảng ủy và Văn phòng HĐND-UBND xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo những vướng mắc (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

### Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy,
- BCH Đảng bộ,
- UBND xã,
- Các Ban XD đảng, VP Đảng ủy,
- Các ban, phòng, ngành, UBMTTQ và các tổ chức CT-XH,
- Các TCCS Đảng,
- Lưu VP Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

**Đoàn Văn Lợi**